

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG TÙNG
TRƯỜNG MẦM NON HUỖI LÈNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở, ban, ngành, UBND xã Mường Tùng, sự chỉ đạo trực tiếp của phòng VH- XH xã Mường Tùng .

Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học đã từng bước được đầu tư.

+ CSVC: Đủ lớp học 21/21 lớp Trong đó: Kiên cố: 7/21 lớp; Bán kiên cố: 14/21 lớp

+ Trang thiết bị dạy học; có đủ trang thiết bị dạy học, 100% các lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi theo thông tư 02 và sửa đổi bổ sung theo thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đội ngũ CBQL- GV có trình độ chuyên môn chuẩn và trên chuẩn trở lên. CBGV- CNV có tinh thần đoàn kết, có ý thức kỷ luật cao, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ GV đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trẻ, khỏe, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau, có ý thức kỷ luật cao, luôn khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đa số nhân dân trong xã đã nhận thức được đúng đắn về công tác giáo dục của nhà trường.

2. Khó khăn

Địa bàn xã rộng, giao thông đi lại giữa các điểm bản khó khăn, dân cư sống không tập trung.

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm trong giảng dạy và trong công tác chủ nhiệm lớp. Chưa tích cực học hỏi chuyên môn.

Vẫn còn số ít giáo viên mới ra trường công việc giảng dạy và chủ nhiệm lớp còn hạn chế chưa sáng tạo, chưa linh động với thực tế hiện nay.

Đa số học sinh là người dân tộc. Trong đó 90% học sinh là dân tộc HMông; 6% học sinh là dân tộc Xạ Phang; 4% học sinh là dân tộc kinh.

Trình độ nhận thức của của 1 số bộ phận nhân dân ở một số điểm bản còn thấp nên việc huy động học sinh ra lớp và xây dựng cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn.

100% Trẻ nhà trẻ và 65% trẻ 3 tuổi mới tuyển chưa biết tiếng việt nên ảnh hưởng đến chất lượng của nhà trường.

Các lớp học nằm rải rác ở các bản lẻ cách nhau nên giáo viên ít có thời gian trao đổi học hỏi. Đây cũng là trở ngại cho công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.

Có 21/21 lớp ghép 2-3 độ tuổi lên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chuyên môn của giáo viên.

3. Quy mô giáo dục

Nhà trường có tổng số 40 đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong đó: BGH: 3; giáo viên: 34; nhân viên: 3). Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; nhiệt tình, trách nhiệm cao trong việc, luôn khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100% và trên chuẩn đạt 91%.

Tổng số học sinh toàn trường: 466 học sinh được chia làm 21 nhóm, lớp (8 nhóm trẻ 18-36 tháng tuổi; 3 lớp MGG 3+4 tuổi; 3 lớp MGG 4-5 tuổi; 7 lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi). Trẻ đến trường ngoan ngoãn, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động tự phục vụ.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học với tầm nhìn sứ mạng nhằm xây dựng môi trường giáo dục An toàn – Thân thiện – Tích cực. Phát triển theo phương châm; giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và bối cảnh của địa phương trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đề cao 5 giá trị cốt lõi: Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, chủ động, tự tin, sáng tạo. Trường mầm non Huổi Lèng đã xác định mục tiêu của nhà trường trong năm học 2025 - 2026 như sau: Giúp trẻ phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; Hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, trẻ có khả năng giao tiếp được bằng ngôn ngữ tiếp việt, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết

phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 13 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1. Phát triển thể chất

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

Có một số tổ chức vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.2. Phát triển nhận thức

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

Có sự nhạy cảm của các giác quan.

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

2.3. Phát triển ngôn ngữ

Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. Hồn nhiên trong giao tiếp.

2.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình...

3. Mẫu giáo (Cuối độ tuổi)

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

3.1. Phát triển thể chất

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

3.2. Phát triển nhận thức

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3.3. Phát triển ngôn ngữ

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

3.4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Có ý thức về bản thân.

Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

3.5. Phát triển thẩm mỹ

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

2. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục, phương tiện hỗ trợ và đánh giá sự phát triển của trẻ

2.1. Yêu cầu về nội dung

Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

2.2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục trẻ

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình

thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

2.3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá theo chủ đề) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

2.4. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ

VD: Sử dụng phương pháp Montessori cần công cụ hỗ trợ: bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp với phương pháp giáo dục này, có phòng học riêng/ học tại các lớp, giáo viên có chứng chỉ bồi dưỡng về phương pháp Montessori....

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3,4,5 TUỔI

NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội Dung		Chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
			Riêng	Chung		
1. Giáo dục phát triển thể chất						
<i>a. Phát triển vận động.</i>						

1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân. + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
2	4	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(Phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.	3,4,5 Hô hấp: Hít vào, thở ra.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	

3	5	- Trẻ biết thực hiện thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên(kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp hai tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau . + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
4	3	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3 m	+ Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót		1,3,5,6,8,	

5	4	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	+ Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi bằng gót chân + Đi khụy gối + Đi lùi. + Đi bước dồn ngang		1,3,5,6,8,9	
6	5	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), + Đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến lùi + Đi bước chéo sang ngang.		1,3,5,6,8,9	
7	3	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc không chệch ra ngoài)	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi theo đường đích dắc. + Chạy thay đổi hướng theo đường díc dắc		1,2,3,4,6,9	
8	4	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, + Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn + Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.		1,2,4	

9	5	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)	+ Đi thay đổi tốc độ, hướng ,dịch dắc theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ, hướng dịch dắc theo hiệu lệnh		1,2,4	
10	3	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không làm rơi bóng (khoảng cách 2,5cm) - Tự đập, bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	+ Lăn bắt bóng với cô + Đập bắt bóng với cô + Tung bắt bóng với cô + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay.		2,3,4,5,6,7	
11	4	Trẻ biết phối hợp tay , mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 3m) - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m) - Tự đập bắt bóng 4-5 lần liên tiếp	+Đập bắt bóng tại chỗ + Tung bắt bóng với người đối diện.	* Trẻ 4,5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt - Ném xa bằng 1 tay, - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, + Chuyển bắt bóng qua chân	2,3,4,5,6,7,9	
12	5	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 2m x cao 1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp	- Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng		2,3,4,5,6,7,9	

13	3	Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng: - Ném trúng đích ngang(xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp(3mx0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. - Bò chui qua cổng -Trườn về phía trước. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Bước lên, xuống bậc (cao 30cm)		1,2,4,5,6,9	
14	4	- Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp - chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường díc dắc (3-4 điểm díc dắc cách nhau 2m)	- Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2m - 1,4m)	- Chạy 15m trong khoảng. 10 giây (4t) - Chạy 18 m trong khoảng 10s (5t) - Chạy chậm 60-80 (4 tuổi) - Chạy chậm khoảng 100-120 m (5 t) -Bò đích dắc qua 5 điểm (4t) - Bò đích dắc qua 7 điểm (5t)	1,2,3,4,5,6,	
15	5	Trẻ biết thể hiện sự mạnh mẽ trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s - Ném trúng đích đứng(cao 1,5m xa 2m) - Bò vòng qua 5 -6 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m-30cm - Ném trúng đích đứng (1,5x 2m) bằng 1 tay	- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2mx06m (4t) - Bò chui qua cổng, ống dài 1,5mx06m (5t) - Trèo lên, xuống 5 gióng thang (4 tuổi) - Trèo lên, xuống 7 gióng thang	1,2,3,4,5,6	

				(5 tuổi) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m (4t) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m (5 tuổi)		
16	3	Trẻ biết phối hợp tay chân khi bật nhảy	Bật tại chỗ	- Bật về phía trước (3t) - Bật liên tục về phía trước (4t) - Bật liên tục vào vòng (5t) - Bật xa 20-25 cm (3tuổi) - Bật xa 30 - 35 cm (4t) - Bật xa 40-45cm (5t)	3,5,7,8,9	
17	4	Trẻ biết thực hiện phối hợp tay chân khi bật nhảy, giữ được thăng bằng khi bật nhảy		- Bật, nhảy từ trên cao xuống cao 30 - 35cm (4t) - Bật, nhảy từ trên cao xuống 40-45cm (5t)	3,5,6,7,8,9	
18	5	Trẻ biết thực hiện phối hợp tay chân khi bật nhảy, giữ được thăng bằng khi bật nhảy		- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô (4t) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô (5t) - Bật qua vật cản cao 10-15 cm (4t) - Bật qua vật cản cao	3,5,7,8,9	

				15-20 cm (5t) Nhảy lò cò 3m (4t) - Nhảy lò cò 5m (5t)		
19	3	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Trẻ thực hiện được gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay		1,2,3,4	
20	4	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Cuộn -xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay vào nhau.	- Trẻ thực hiện được Vo, xoay xoắn, vặn búng ngón tay, vẽ, vẽo, vuốt miết ấn bàn tay ngón tay, gắn nối..		1,2,3,4	
21	5	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; Xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt các ngón tay.	Trẻ thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay, bẻ nắn		1,2,3,4	
22	3	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đồ. - Tự cài cởi cúc	Tô vẽ nguệch ngoạc - Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Cài, cởi cúc		5,6,7,9	

23	4	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng , lắp ráp với 10 - 12 khối . - Biết tết sợi đôi . - Tự cài. Cờ cúc, buộc dây giày	- Gấp giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô vẽ hình - Cài , cời xâu buộc giày		5,6,7,9	
24	5	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- Mắt trong một số hoạt động : - Vẽ hình và sao chép các chữ cái , chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu . - Tự cài , cời cúc ,xâu dây giày , cài quai dép kéo khóa (Phéc mơ tuya)	- Lắp giáp - Xé cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét - Cài cời cúc kéo khóa (phéc mơ tuya) xâu luôn buộc dây		5,6,7,9	

b. giáo dục dinh dưỡng sức khỏe

25	3	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm quen thuộc		2	
26	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá.... Có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vi ta min	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).		2	

27	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm dầu chất đạm: thịt, cá. - Thực phẩm giàu vi ta min và muối khoáng rau quả..	Trẻ nhận biết được , phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		2	
28	3	Trẻ biết nói tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Trẻ nhận biết được một số món ăn quen thuộc.		3	
29	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc rán kho Gạo nấu cơm nấu cháo	Trẻ nhận biết được dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		3	
30	5	Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc rán kho gạo nấu cơm nấu cháo	- Trẻ làm quen được với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống		3	
31	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2	
32	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			2	

33	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn chín uống nước đun sôi ,để khỏe mạnh ,uống nhiều nước ngọt , nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.			2	
34	3	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất cởi quần áo	- Trẻ làm quen được với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ vệ sinh.		1,3,4	
35	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn	- Trẻ tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định		1,3,4	
36	5	Trẻ biết một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định biết đi xong dội /giặt nước cho sạch	- Trẻ tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách		1,3,4	
37	3	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		6,7	
38	4	Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn.	- Trẻ tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn		6,7	
39	5	Trẻ biết vận dụng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		6,7	

40	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...		- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	5,6	
41	4	Trẻ biết một số hành vi trong ăn uống: - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn nhai kỹ . - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã			5,6	
42	5	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống : - Mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn . - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã ,ăn quà vặt ngoài đường			5,6	
43	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở - Chấp nhận : Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm.		8	

44	4	Trẻ biết được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm và cách phòng tránh đơn giản.		8	
45	5	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Trẻ biết ra nắng đội mũ; tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Trẻ biết che miệng khi hô, hắt hơi. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.		8	
46	3	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, ...) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, ...) khi được nhắc nhở.	- KN: Ứng phó khi xảy ra đám cháy	9	

47	4	- Trẻ biết nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc , nhọn không nên nghịch - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc , nhọn không nên nghịch		9	
48	5	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.		9	
49	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao bể chứa nước hồ vôi...) khi được nhắc nhở - Lòng ghép kỹ năng sống		Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng - KN: An toàn khi chơi - KN: Thực hiện an toàn giao thông	5,7	
50	4	- Trẻ biết nhận ra những nơi như hồ ao ,mương nước suối bể chứa nước... và nơi nguy hiểm không được chơi gần - Lòng ghép kỹ năng sống			5,7	
51	5	- Trẻ biết những nơi như : Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Lòng ghép kỹ năng sống			5,7	

52	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Trẻ không cười đùa trong khi ăn , uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .. - Trẻ không tự lấy thuốc uống. - Không trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Trẻ biết ứng phó khi bị người lạ cho quà	Tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không trèo bàn ghế, lan can	KN: Không nhận quà và đi theo người lạ	1,3 4,6	
53	4	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .. - Không ăn thức ăn có mùi hôi không ăn quả lạkhông uống cà phê rượu bia không tự uống thuốc khi không được phép của người lớn . - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận ra nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết : ăn thức ăn có mùi ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		1,3, 4,6	

54	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Trẻ biết ứng phó khi bị người lạ cho quà	- Trẻ nhận ra được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết : ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		1,3,4,6	
55	4	Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số T.H khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Nhận biết nguy cơ cháy và hậu quả		- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	4	
56	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Nhận biết nguy cơ cháy và hậu quả		- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Nhận biết các vật dụng và đồ đạc xung quanh dễ cháy: Đồ gỗ, gối đệm cao su, quần áo....	4	

57	4	- Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ ra đình, số điện thoại người thân khi cần thiết - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận biết nguy cơ nguy hiểm và gọi người giúp đỡ. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	KNS: Ứng phó khi bị lạc	3	
58	5	- Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	KNS: Ứng phó khi bị lạc	3	
59	5	- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào	- Sau giờ học về ngay nhà Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. Không trèo cây, ban công tường rào		7	

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học

60	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Hiện tượng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	*Trẻ 3,4, 5 tuổi: Một vài đặc điểm, tích chất của đất, đá, cát, sỏi.	5,8	
61	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: " Vì sao cây lại héo?" ;" Vì sao lá cây bị ướn?" ...	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.		5,8	
62	5	Trẻ biết tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: " Tại sao có mưa?" ...	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.		5,8	
63	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng, đồ chơi.		1,2	

64	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,2	
65	5	Trẻ biết vận dụng phối hợp được các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả,...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.			1,2	
66	3	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. ví dụ: thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. ví dụ: thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		8,9	
67	4	Trẻ biết làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Trẻ làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		8,9	
68	5	Trẻ biết làm thử nghiệm được và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Thử nghiệm được và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		8,9	

69	3	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc		7	
70	4	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu		7	
71	5	Trẻ biết vận dụng thu thập được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu		7	
72	3	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật. - Phương tiện báo cháy và chữa cháy.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	Nhận biết được các thiết bị, phương tiện báo cháy và chữa cháy phổ biến: Kêng/ trống, Đèn báo cháy, Nút ấn báo cháy, Đèn báo cháy	1,3,4	
73	4	- Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu. - Phương tiện chữa cháy và báo cháy.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.	Nhận biết các chất và vật dụng có thể dùng cho mục đích cháy: Bình chữa cháy, nước, khăn ướt	1,3,4	

74	5	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Phương tiện chữa cháy và báo cháy.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.		1,3,4	
75	3	Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi		5,6	
76	4	Trẻ biết nhận xét được một số quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi . ví dụ: " Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn".		* Trẻ 4, 5 tuổi: - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.	5,6	
77	5	Trẻ biết vận dụng nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. ví dụ: " Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi".		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	5,6	

78	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	7	
79	5	Trẻ biết giải quyết được những vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	6,7	
80	3	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả, quen thuộc.		5,6	
81	4	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	* Trẻ 4, 5 tuổi: Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	5,6	
82	5	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.		5,6	
83	3	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình		1,2,3,4,5 6,7,8,9	

84	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
85	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, Âm nhạc và tạo hình.....	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, Âm nhạc và tạo hình.....		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
86	3	- Trẻ biết tên và dấu hiệu rõ nét của một số hiện tượng thời tiết, thiên tai thường xảy ra ở địa phương (nóng , lạnh, mưa, bão, sớm chớp, lũ lụt) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.	- Sự thay đổi bất thường của thời tiết mùa xuân : đang nóng thì chuyển sang lạnh , nhiệt độ tăng giảm đột ngột.	KN: Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu.	8	
87	4	- Trẻ biết được biểu tượng đơn giản về thiên tai, biến đổi khí hậu (Tên , dấu hiệu đặc trưng của bão, lũ, hạn hán, động đất..) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.		- Tên gọi , Đặc điểm về các hiện tượng thiên nhiên(bão , lũ lụt , mưa đá, giông sét	8	
88	5	- Trẻ biết được biểu tượng rõ nét về thiên tai biến đổi khí hậu (tên các dấu hiệu cơ các tác hại của nó đối với con người và môi trường) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.	Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên-	- KN: Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu.	8	
89	3	- Trẻ biết tác hại của thời tiết thiên tai đến bản thân, mọi vật xung quanh (mặt trời, thiếu nước, cây cối khô héo..)		- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật : ô nhiễm môi trường ,	6,8	
90	4	- Trẻ biết tác hại của thiên tai , biến đổi khí hậu đến con người và môi trường xung quanh		sáo chộn môi trường sống thiếu nước, giảm nguồn thức ăn không còn nơi cư	6,8	

				trú chết một số loài động vật , dịch bệnh		
91	5	- Trẻ biết giải thích được nguyên nhân của thiên tai, biến đổi khí hậu	- Do con người khai thác đất đá trên các sườn núi và chặt phá cây cối phủ trên đồi núi - Do con người không biết bảo vệ môi trường và không biết sử dụng tiết kiệm năng lượng		6,8	
92	3	- Trẻ biết cần phải làm theo sự hướng dẫn và làm đúng theo yêu cầu của người lớn khi có thiên tai, thời tiết khắc nghiệt xảy ra ở địa phương (mặt trời, thiếu nước, cây cối khô héo..) - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước khi sử dụng nước		- Bảo vệ môi trường cảnh quan nhà trường - Bảo vệ sức khỏe an toàn khi có thời tiết thay đổi	8	
93	4	- Trẻ biết cần phải ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu xảy ra tại địa phương - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước khi sử dụng nước		- Bảo vệ môi trường cảnh quan nhà trường - Bảo vệ sức khỏe an toàn khi có thời tiết thay đổi	8	
94	5	- Trẻ biết mọi người cần phải có cách ứng phó phù hợp với các hiện tượng thiên tai biến đổi khí hậu - Trẻ biết tiết kiệm nước khi sử dụng điện nước		- Bảo vệ môi trường cảnh quan nhà trường - Bảo vệ sức khỏe an toàn khi có thời tiết thay đổi	8	
Làm quen với với các biểu tượng sơ đẳng về toán						
95	3	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4	

96	4	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: " bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...		1,3,4	
97	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: " Bao nhiêu;" , " Đây là mấy"	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: " Bao nhiêu;" , " Đây là mấy"		1,3,4,6,7,9	
98	3	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4	
99	4	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		1,3,4,5,6,9	
100	5	Trẻ biết vận dụng đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,3,4,5,6,9	
101	3	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau. và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3,4,5,6,7,9	
102	4	Trẻ biết so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3,4,5,6,7,9	
103	5	Trẻ biết vận dụng so sánh được số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.	So sánh được số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.		1,3,4,5,6,7,9	
104	3	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5		* Trẻ 3, 4 tuổi: gộp 2 nhóm đối tượng và	4,5,9	

105	4	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả.		đếm	4,5,9	
106	5	Trẻ biết gộp được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp các nhóm đối tượng khác và đếm.		4,5,9	
107	3	Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.		* Trẻ 3, 4 tuổi: Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4,5,7, 9	
108	4	Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.				
109	5	Trẻ biết tách được 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách/ gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		4,5,,7,9	
110	4	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự		1,3,4	
111	5	Trẻ nhận biết được các số thứ tự 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (Hạt na, hạt cúc, hạt nhựa.)		1,3,4,5,6, 7,9	
112	4	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Trẻ biết một số cách phòng chống thoát hiểm cơ bản		* Trẻ 4, 5 tuổi: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, các	7	

113	5	Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Trẻ biết một số cách phòng chống thoát hiểm cơ bản		con số 113, 114, 115)	7	
114	3	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại.	Xếp xen kẽ	* Trẻ 3+4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi * Trẻ 4, 5 tuổi: So sánh phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc	1,5	
115	4	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại				
116	5	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.			1,5	
117	5	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Ghép thành nhữ cặp đối tượng có mối liên quan.		1	
118	5	Trẻ biết sáng tạo được mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra quy tắc sắp xếp		5	
119	3	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ : to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	So sánh hai đối tượng về kích thước.		6,8	
120	4	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	- So sánh sắp xếp chiều cao 3 đối tượng.	6,8	

121	5	Trẻ biết sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo		6,8	
122	3	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết gọi tên các hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.		3	
123	4	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình; hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật		3	
124	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	Nhận biết gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế		3	
125	3	Trẻ biết sử dụng các hình học để lắp ghép	Sử dụng các hình học để lắp ghép		7	
126	4	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản		* Trẻ 4,5 tuổi: Lắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	7	
127	5	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình theo yêu cầu	Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau			
128	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân		2	
129	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác(phía trước- phía sau: phía trên- phía dưới, phía bên phải- phía bên trái)		2	

130	5	Trẻ biết sử dụng được lời nói và hành động để chỉ ra vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trước- phía dưới, phía trái- phía phải) so với bản thân trẻ với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn		2	
131	4	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều tối		8	
132	5	Trẻ biết gọi được đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Gọi tên các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai		8	

C. Khám phá xã hội

133	3	Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính củ bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Tên, tuổi, của bản thân		2	
134	4	Trẻ biết nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện	Họ tên tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		2	
135	5	Trẻ biết nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính củ bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình		2	
136	3	Trẻ biết nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình		3	
137	4	Trẻ biết nói được họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ và 1 số nhu cầu của gia đình		3	
138	5	Trẻ biết nói đúng tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ- gia đình lớn) nhu cầu gia đình		3	

139	3	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình, khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Địa chỉ gia đình		3,6	
140	4	Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm)	Địa chỉ gia đình, số nhà đường phố thôn xóm		3, 6	
141	5	Trẻ nói được đúng địa chỉ gia đình mình/ số nhà, đường phố/ thôn xóm số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	Địa chỉ gia đình, số nhà đường phố/ thôn xóm, số điện thoại (nếu có)		3,6	
142	3	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp học khi được hỏi trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo tên và công việc cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ trong trường		1	
143	4	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường lớp, khi được hỏi trò chuyện	Tên, địa chỉ của trường, lớp.		1	
144	5	Trẻ biết nói đúng tên/ địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm nổi bật của trường lớp, khi được hỏi trò chuyện	Những đặc điểm của trường mầm non		1	
145	4	Trẻ biết nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện	Tên công việc của cô giáo và các bác trong trường		1,4	
146	5	Trẻ biết nói đúng tên, công việc của cô giáo và các công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Công việc của các cô các bác trong trường		1,4	
147	4	Trẻ biết nói tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Họ tên 1 vài đặc điểm của các bạn các hoạt động của trường		1	
148	5	Trẻ biết nói đúng họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.		1	

149	3	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông nghề xây dựng... khi được hỏi xem tranh - Lòng ghép kỹ năng sống	Trẻ gọi, sản phẩm và lợi ích của 1 số nghề phổ biến	KN: Thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn	4,7	
150	4	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi trò chuyện. - Lòng ghép kỹ năng sống		* Trẻ 4, 5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương KN: Thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn	4,7	
151	5	Trẻ biết nói đúng đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: Nói " nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..." - Lòng ghép kỹ năng sống				
152	3	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu,..... qua trò chuyện	Kể tên một số lễ hội ngày khai giảng, tết trung thu,.....qua trò chuyện		1,5,8,9	
153	4	Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội		Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	1,5,8,9	
154	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội ví dụ: Nói ngày quốc khánh 2/9 cả phố em treo cờ, Bố Mẹ được nghỉ làm và cho em đi công viên....			1,5,8,9	
155	3	Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.		9	
156	4	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.		* Trẻ 4,5 tuổi: Đặc điểm nổi bật của một số	9	

157	5	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.		di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.		
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ						
158	3	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ".	Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản		1,2	
159	4	Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.	Trẻ hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu		1,2	
160	5	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể ví dụ: " Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái".	Trẻ hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.		1,2	
161	3	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả	Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc		5,6	
162	4	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		5,6	
163	5	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng, (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	Trẻ hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		5,6	
164	3	Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại	Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?		7,8	

165	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? Để làm gì?		7,8	
166	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao"; "Như thế nào?" ; "Làm bằng gì?"		7,8	
167	3	Trẻ biết nói rõ các tiếng	Phát âm các tiếng của tiếng việt		4,6,9	
168	4	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.		4,6,9	
169	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự. - Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.		4,6,9	
170	3	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		2,3,4	
171	4	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.		2,3,4.	
172	5	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, phù hợp với ngữ cảnh.		2,3,4.	
173	3	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép	Nghe, hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng. Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.		7,8	

174	4	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.		7,8	
175	5	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và biểu hiện của bản thân rõ ràng, rể hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	4,5 tuổi: Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	7,8	
176	3	Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Kể lại sự việc.		9	
177	4	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết		9	
178	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	Biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.		9	
179	3	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng giao...		Độc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
180	4	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng giao...			1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
181	5	Trẻ biết đọc hiểu cảm bài thơ, đồng giao, ca dao...			1,2,3,4,5, 6,7,8,9	

182	3	Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	Kể lại một vài tình tiết của chuyện đã được nghe. Mô tả sự vật hiện tượng có sự giúp đỡ	Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
183	4	Trẻ kể truyện có mở đầu, kết thúc	Kể lại chuyện đã được nghe.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
184	5	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện.	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
185	3	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	Đóng kịch	9	
186	4	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện		9	
187	5	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện			9	
188	3	Trẻ biết sử dụng các từ : " Vâng ạ", " Dạ", " Thưa"... Trong giao tiếp.		3,4 tuổi sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2	
189	4	Trẻ biết sử dụng các từ như: " Mời cô" " Mời bạn", " Cảm ơn", " Xin lỗi "...Trong giao tiếp			1,2	
190	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " Cảm ơn", " Xin lỗi", " Xin phép", " Thưa", " Dạ", " Vâng" ... Phù hợp với tình huống.	Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng		1,2	
191	3	Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí	Nói rõ ràng, đủ nghe	3,4,5 tuổi Nói và thể hiện cử chỉ	4,5,6	

192	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		điều bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp	4,5,6	
193	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh			4,5,6	
194	3	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc chuyện. - Giữ gìn sách	- Trẻ 3+4+5 tuổi: xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Trẻ 4+5 tuổi: Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
195	4	Trẻ biết chọn sách để xem			1,2,3,4,5,6,7,8,9	
196	5	Trẻ biết chọn sách để "Đọc và xem"			1,2,3,4,5,6,7,8,9	
197	3	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	Tiếp xúc với chữ, sách chuyện.	4,5 tuổi: Đọc chuyện qua tranh vẽ.	4	
198	4	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh		4	
199	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ kể truyện theo đồ vật, theo tranh.		4	
200	3	Trẻ biết thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. - Hướng	7,8	
201	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh "Đọc" Sách theo tranh minh họa (Đọc vệt)		đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	7,8	
202	5	Trẻ biết cách "Đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối.		- Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7,8	

203	3	Trẻ biết nhận ra một số ký hiệu thông thường như nhà vệ sinh, cấm lửa		- 3,4,5 tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(như nhà vệ sinh, , lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông đường cho người đi bộ)	7	
204	4	Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...			7	
205	5	Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			7	
206	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để " Viết" : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ		1, 2,3,4,5	
207	5	Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	Trẻ nhận dạng các chữ cái		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
208	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	Trẻ biết sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	

Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

209	3	Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân		Tên, tuổi, giới tính	1,2	
210	4	Trẻ nói được tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ			1,2	
211	5	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	Nói được họ tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại		1,2	
212	3	Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nổi buồn.	- Những điều bé thích, không thích - Nhận biết hành vi "Đúng" - "Sai"; "tốt" - "Xấu".	KN: vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nổi buồn.	2, 3	

213	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	- Phân biệt hành vi "Đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	Sở thích, khả năng của bản thân KN: vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn.	2, 3	
214	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt"- "xấu".		2, 3	
215	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn(Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng.	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác		2	
216	5	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/chị/ em trong gia đình - Trẻ biết quyền con người, quyền trẻ em.	Biết mình là con, cháu/ Anh, Chị, Em trong gia đình - Trẻ nói và hiểu được quyền con người, quyền trẻ em.		3	
217	5	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức .		3	
218	3	Trẻ biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trẻ lời trả lời câu hỏi - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Có thái độ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trẻ lời trả lời câu hỏi	KN: Dũng cảm, tự tin KN: Phối hợp làm việc theo nhóm	4,5	
219	4	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích		4,5	
220	5	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi..) - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Chủ động và độc lập trong một hoạt động.		4,5	

221	3	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	KN: Làm những công việc vừa sức	1,3	
222	4	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)		1,3	
223	5	Trẻ biết chấp nhận cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)		1,3	
224	3	Trẻ biết nhận ra cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	KN: Hành vi văn minh, lịch sự khi nhận quà	5,7	
225	4	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói., tranh ảnh.		5,7	
226	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói., tranh ảnh, âm nhạc. - Môi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		5,7	

227	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
228	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động; vẽ; nặn; xếp hình.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
229	5	Trẻ hiểu biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	Bày tỏ cảm xúc phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
230	3	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói	Kính yêu bác hồ	KN:Lắng nghe người khác nói	9	
231	4	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói		- Kính yêu bác hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	9	
232	5	Trẻ nhận biết được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói	Nhận ra một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	- KN:Lắng nghe người khác nói	9	
233	3	Trẻ biết nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ		9	
234	4	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		9	
235	5	- Trẻ nhận ra được hình ảnh bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)	- Nhận ra được hình ảnh bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)		9	

236	5	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.		9	
237	3	Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		9	
238	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9	
239	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử nổi tiếng, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.			9	
240	3	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi vâng lời bố mẹ. Lòng ghép kỹ năng sống	Một số quy định ở lớp và gia đình(để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố , mẹ, anh, chị, em ruột.		1,3	
241	4	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ Lòng ghép kỹ năng sông		Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; chậ tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)	1,3	
242	5	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông Bà, Bố Mẹ, Anh Chị, muốn đi chơi phải xin phép Lòng ghép kỹ năng sông	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân, trong gia đình và lớp học.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - KN: Chuẩn bị đồ dùng cá nhân cho trẻ tới trường	1,3	

243	3	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	Cử chỉ nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn)		4	
244	4	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		4	
245	5	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép lịch sự.		4	
246	3	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		2	
247	4	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		2	
248	5	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		2	
249	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng.	- Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn.	KN: Chơi hòa đồng	8	
250	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng. - Trẻ biết phối hợp làm việc theo nhóm trong khi chơi	Chờ đến lượt, hợp tác		8	
251	5	Trẻ biết chờ đến lượt. - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng. - Trẻ biết phối hợp làm việc theo nhóm trong khi chơi	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận		8	
252	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...)	Quan tâm giúp đỡ		7	
253	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.		7	

254	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		8	
255	3	Trẻ biết quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây		Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
256	4	Trẻ biết chăm sóc cây, con vật thân thuộc			5,6	
257	5	Trẻ biết thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc			5,6	
258	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác	Giữ gìn bảo vệ môi trường	Bỏ rác đúng nơi quy định KN: Vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác	1,2,3,4,6,7,8,9	
259	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác			1,2,3,4,6,7,8,9	
260	5	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác			1,2,3,4,6,7,8,9	
261	4	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa - Trẻ biết thực hiện một số quy định nơi công cộng		Giữ gìn vệ sinh môi trường KN: Kỹ năng bảo vệ môi trường.	1,6	
262	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường(không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - Trẻ biết biết bảo vệ môi trường.			1,6	
263	3	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay.		Tiết kiệm điện, nước.	4	

264	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng			4	
265	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng khóa vòi nước sau khi dùng không để thừa thức ăn			4	

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

266	3	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
267	4	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm các bài hát bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
268	5	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dùng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng	Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn các vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	

269	3	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ thích nghe kể chuyện	Nghe các bài hát bản nhạc(nhạc thiếu nhi/dân ca)		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
270	4	Trẻ biết chú ý nghe thích thú(hát, vỗ tay nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích, nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(thiếu nhi/ dân ca)		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
271	5	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc(Hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) Theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ và đồng, ca dao, tục ngữ; thích nghe câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (thiếu nhi/ dân ca cổ điển/) - Nghe và nhận ra sắc thái của các bài hát, bản nhạc		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
272	3	Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng)của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật , hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6,7,9	
273	4	Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(Về màu sắc, hình dạng..) của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6,7,9	

274	5	Trẻ biết thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng, bố cục) của các tác phẩm tạo hình	Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn các vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6,7,9	
275	3	Trẻ biết hát tự nhiên hát theo giai điệu bài hát quen thuộc	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
276	4	Trẻ biết thể hiện hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ		Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát	1,2,3,4,5 6,7,8,9	
277	5	Trẻ biết thể hiện hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ			1,2,3,4,5 6,7,8,9	
278	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
279	4	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
280	5	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	

281	3	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra phẩm theo sự gợi ý	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.		2,4,7	
282	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm		2,4,7	
283	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	Lựa chọn, phối hợp vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm		2,4,7	
284	3	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
285	4	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
286	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục		1,2,3,4,5 6,7,8,9	

287	3	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		5,9	
288	4	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong..và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	Sử dụng một các kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		5,9	
289	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		5,9	
290	3	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc hai khối	Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		3,4,5,6	
291	4	Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng một các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3,4,5,6	
292	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành các sản phẩm có bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		3,4,5,6	
293	3	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		3	
294	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	Sử dụng một các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3	

295	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		3	
296	3	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	Nhận xét các sản phẩm tạo hình		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
297	4	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình các về màu sắc, đường nét, hình dáng	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
298	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	Nhận xét tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
299	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		7	
300	4	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		7	
301	5	Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc		7	
302	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích		8	
303	4	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát	Tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp bài hát		8	
304	5	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		8	

305	3	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	9	
306	4	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			9	
307	5	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			9	
308	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	5	
309	5	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích		5	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LỚP MGG 3-4-5 TUỔI

Năm học: 2025 - 2026

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
8-12/9/2025	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	Ngày hội đến lớp của bé	1		
15-19/9			Lớp mẫu giáo của bé	1		
22-26/9			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1		

29/9-3/10	2	Bạn biết gì về tôi (3 tuần)	Tôi là ai	1	Tết trung thu	
06-10/10			Cơ thể của bé	1		
13-17/10			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20-24/10	3	Gia đình của bé (4 tuần)	Ngôi nhà của bé	1	Ngày PNVN	
27/10-31/10			Những người thân trong gia đình	1		
03-7/11			Đồ dùng trong gia đình	1		
10-14/11			Các món ăn trong gia đình	1		
17-21/11	4	Bé biết bao nhiêu nghề (5 tuần)	Nghề Giáo viên	1	Ngày nhà giao Việt Nam 20/11	
24- 28/11			Nghề Nông	1		
01-05/12			Nghề xây dựng	1		
08-12/12			Nghề y	1		
15-19/12			Nghề bộ đội	1	Ngày Thành lập QĐNDVN	
22-26/12	5	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	Con vật nuôi trong GD hai chân đẻ trứng	1		
29/12-02/01			Con vật nuôi trong GD 4 chân đẻ con.	1		
05- 9/01			Động vật sống trong rừng	1		
12-16/01			Động vật sống dưới nước	1		
19-23/01			Một số con côn trùng	1		
26-30/01	6	Tết cây xanh và	Một số loại hoa	1		

2-06/02		mùa xuân(5 tuần)	Một số loại rau, củ, quả	1	Nghỉ tết nguyên đán	
9/2-13/02			Ngày tết quê em	1		
16-20/02			Nghỉ tết nguyên đán	1		
23-27/2			Cây xanh quanh bé	1		
2-06/03			Cây lương thực	1		
9-13/03	7	Phương tiện và quy định giao thông (3 tuần)	Xe máy và quy định giao thông	1		
16-20/03			Ô tô và quy định giao thông	1		
23-27/3			Đường thủy và quy định giao thông	1		
30/3- 03/4	8	Nước và hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Một số nguồn nước	1		
06-10/4			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
13-17/4			Mùa hè của bé	1		
20/4-24/4	9	Quê hương-Đất nước-Bác Hồ - TTH (4 tuần)	Bản làng quê hương em	1	Nghỉ giỗ hùng vương Nghỉ 30/4 mừng 1/5	
27/4- 01/5			Ôn			
04-08/05			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
11-15/05			Bé làm quen với trường tiểu học	1		
18-22/5			Đồ dùng ở trường tiểu học	1		

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4-5 TUỔI

NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội Dung		Chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
			Riêng	Chung		
1. Giáo dục phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động.						
1	4	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(Phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng,bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.	3,4,5 Hô hấp: Hít vào, thở ra.	1,2,3,4,5 6,7,8,9	

2	5	- Trẻ biết thực hiện thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên(kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp hai tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
3	4	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	+ Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi bằng gót chân + Đi khụy gối + Đi lùi. + Đi bước dòn ngang		1,3,5,6,8,9	

4	5	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), + Đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến lùi + Đi bước chéo sang ngang.		1,3,5,6,8,9	
5	4	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, + Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn + Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.		1,2,4	
6	5	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)	+ Đi thay đổi tốc độ, hướng , đích dắc theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh		1,2,4	
7	4	Trẻ biết phối hợp tay , mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 3m) - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m) - Tự đập bắt bóng 4-5 lần liên tiếp	+Đập bắt bóng tại chỗ + Tung bắt bóng với người đối diện.	* Trẻ 4,5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt - Ném xa bằng 1 tay, - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay,	2,3,4,5,6,7,9	

8	5	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 2m x cao 1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp	- Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng	- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, + Chuyển bắt bóng qua chân	2,3,4,5,6,7,9	
9	4	- Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp - chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc cách nhau 2m)	- Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2m - 1,4m)	- Chạy 15m trong khoảng. 10 giây (4t) - Chạy 18 m trong khoảng 10s (5t) - Chạy chậm 60-80 (4 tuổi) - Chạy chậm khoảng 100-120 m (5 t) -Bò dích dắc qua 5 điểm (4t) - Bò dích dắc qua 7 điểm (5t) - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2mx06m (4t)	1,2,3,4,5,6	
10	5	Trẻ biết thể hiện sự mạnh mẽ trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s - Ném trúng đích đứng(cao 1,5m xa 2m) - Bò vòng qua 5 -6 điểm dích dắc cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m-30cm - Ném trúng đích đứng (1,5x 2m) bằng 1 tay	- Bò chui qua cổng, ống dài 1,5mx06m (5t) - Trèo lên, xuống 5 giống thang (4 tuổi) - Trèo lên, xuống 7 giống thang (5 tuổi) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m (4t) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m (5	1,2,3,4,5,6	

				tuổi)		
11	4	Trẻ biết thực hiện phối hợp tay chân khi bật nhảy, giữ được thăng bằng khi bật nhảy		- Bật về phía trước (3t) - Bật liên tục về phía trước (4t) - Bật liên tục vào vòng (5t) - Bật xa 20-25 cm (3tuổi) - Bật xa 30 - 35 cm (4t) - Bật xa 40-45cm (5t) - Bật, nhảy từ trên cao xuống cao 30 - 35cm (4t) - Bật, nhảy từ trên cao xuống 40-45cm (5t)	3,5,6,7,8,9	
12	5	Trẻ biết thực hiện phối hợp tay chân khi bật nhảy, giữ được thăng bằng khi bật nhảy		- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô (4t) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô (5t) - Bật qua vật cản cao 10-15 cm (4t) - Bật qua vật cản cao 15-20 cm (5t) - Nhảy lò cò 3m (4t) - Nhảy lò cò 5m (5t)	3,5,7,8,9	

13	4	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Cuộn -xoay tròn cổ tay. - Gập , mở các ngón tay vào nhau.	- Trẻ thực hiện được Vo, xoáy xoắn, vặn búng ngón tay ,về, véo , vuốt miết ấn bàn tay ngón tay , gấn nổi..		1,2,3,4	
14	5	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; Xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt các ngón tay .	Trẻ thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay ,bẻ nắn		1,2,3,4	
15	4	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng , lắp ráp với 10 -12 khối . - Biết tết sợi đôi . - Tự cài. Cờ cúc, buộc dây giấy	- Gấp giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô vẽ hình - Cài , cời râu buộc giấy		5,6,7,9	
16	5	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- Mắt trong một số hoạt động : - Vẽ hình và sao chép các chữ cái , chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu . - Tự cài , cời cúc ,xâu dây giấy , cài quai dép kéo khóa (Phéc mơ tuya)	- Lắp giáp - Xé cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét - Cài cời cúc kéo khóa (phéc mơ tuya) xâu luôn buộc dây		5,6,7,9	

b. Giáo dục dinh dưỡng

17	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá.... Có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vi ta min	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).		2	
18	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá. - Thực phẩm giàu vi ta min và muối khoáng rau quả..	Trẻ nhận biết được , phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		2	
19	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc rán kho Gạo nấu cơm nấu cháo	Trẻ nhận biết được dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		3	
20	5	Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc rán kho gạo nấu cơm nấu cháo	- Trẻ làm quen được với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống		3	
21	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			2	
22	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn chín uống nước đun sôi ,để khỏe mạnh ,uống nhiều nước ngọt , nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			2	

23	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn	- Trẻ tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định		1,3,4	
24	5	Trẻ biết một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định biết đi xong giội /giặt nước cho sạch	- Trẻ tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách		1,3,4	
25	4	Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn.	- Trẻ tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn		6,7	
26	5	Trẻ biết vận dụng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		6,7	
27	4	Trẻ biết một số hành vi trong ăn uống: - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn nhai kỹ . - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã			5,6	

28	5	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống : - Mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn . - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã ,ăn quà vặt ngoài đường			5,6	
29	4	Trẻ biết được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm và cách phòng tránh đơn giản.		8	
30	5	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Trẻ biết ra nắng đội mũ; tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Trẻ biết che miệng khi hô, hắt hơi. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.		8	

31	4	- Trẻ biết nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch		9	
32	5	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.		9	
33	4	- Trẻ biết nhận ra những nơi như hồ ao, ruộng nước, suối bề chứa nước... và nơi nguy hiểm không được chơi gần - Lòng ghép kỹ năng sống		Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng	5,7	
34	5	- Trẻ biết những nơi như : Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Lòng ghép kỹ năng sống		- KN: An toàn khi chơi - KN: Thực hiện an toàn giao thông	5,7	

35	4	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đu đưa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .. - Không ăn thức ăn có mùi hôi không ăn quả lạkhông uống cà phê rượu bia không tự uống thuốc khi không được phép của người lớn . - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận ra nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết : ăn thức ăn có mùi ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	KN: Không nhận quà và đi theo người lạ	1,3, 4,6	
36	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cưỡi đu đưa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Trẻ biết ứng phó khi bị người lạ cho quà	- Trẻ nhận ra được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết : ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		1,3,4,6	
37	4	Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số T.H khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Nhận biết nguy cơ cháy và hậu quả		- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Nhận biết các vật dụng và đồ đạc xung quanh dễ cháy: Đồ gỗ,	4	

38	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Nhận biết nguy cơ cháy và hậu quả		gọi đệm cao su, quần áo....	4	
39	4	- Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ ra đình, số điện thoại người thân khi cần thiết -Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận biết nguy cơ nguy hiểm và gọi người giúp đỡ. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	KNS: Ứng phó khi bị lạc	3	
40	5	- Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	KNS: Ứng phó khi bị lạc	3	

41	5	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào	- Sau giờ học về ngay nhà - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không trèo cây, ban công tường rào		7	
----	---	---	---	--	---	--

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học

42	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: " Vì sao cây lại héo?" ;" Vì sao lá cây bị úớt?" ...	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	*Trẻ 4, 5 tuổi: Một vài đặc điểm, tích chất của đất, đá, cát, sỏi.	5,8	
43	5	Trẻ biết tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: " Tại sao có mưa?" ...	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.		5,8	
44	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và	1,2	

45	5	Trẻ biết vận dụng phối hợp được các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả,... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,2	
46	4	Trẻ biết làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Trẻ làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		8,9	
47	5	Trẻ biết làm thử nghiệm được và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Thử nghiệm được và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		8,9	
48	4	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu		7	
49	5	Trẻ biết vận dụng thu thập được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu		7	

50	4	- Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu. - Phương tiện chữa cháy và báo cháy.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.		1,3,4	
51	5	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Phương tiện chữa cháy và báo cháy.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.		1,3,4	
52	4	Trẻ biết nhận xét được một số quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi . ví dụ: " Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn".		* Trẻ 4, 5 tuổi: - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, và cách bảo vệ nguồn nước.	5,6	
53	5	Trẻ biết vận dụng nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. ví dụ: " Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi".		- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	5,6	

54	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	7	
55	5	Trẻ biết giải quyết được những vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			6,7	
56	4	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	* Trẻ 4, 5 tuổi: Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	5,6	
57	5	Trẻ biết nhận xét , thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.		5,6	
58	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
59	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, Âm nhạc và tạo hình.....	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, Âm nhạc và tạo hình.....		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
60	4	- Trẻ biết được biểu tượng đơn giản về thiên tai, biến đổi khí hậu (Tên , dấu hiệu đặc trưng của bão, lũ, hạn hán, động đất..) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.		- Tên gọi , Đặc điểm về các hiện tượng thiên nhiên(bão , lũ lụt , mưa đá, giông sét - KN: Kỹ	8	

61	5	- Trẻ biết được biểu tượng rõ nét về thiên tai biến đổi khí hậu (tên các dấu hiệu cơ các tác hại của nó đối với con người và môi trường) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.	Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên-	năng ứng phó với biến đổi khí hậu.	8	
62	4	- Trẻ biết tác hại của thiên tai , biến đổi khí hậu đến con người và môi trường xung quanh		- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật : ô nhiễm môi trường , sáo chột môi trường sống thiếu nước, giảm nguồn thức ăn không còn nơi cư trú chết một số loài động vật , dịch bệnh	6,8	
63	5	- Trẻ biết giải thích được nguyên nhân của thiên tai, biến đổi khí hậu	- Do con người khai thác đất đá trên các sườn núi và chặt phá cây cối phủ trên đồi núi - Do con người không biết bảo vệ môi trường và không biết sử dụng tiết kiệm năng lượng		6,8	
64	4	- Trẻ biết cần phải ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu xảy ra tại địa phương - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước khi sử dụng nước		- Bảo vệ môi trường cảnh quan nhà trường - Bảo vệ sức khỏe an toàn khi có thời tiết thay đổi	8	
65	5	- Trẻ biết mọi người cần phải có cách ứng phó phù hợp với các hiện tượng thiên tai biến đổi khí hậu - Trẻ biết tiết kiệm nước khi sử dụng điện nước		hat hiện tượng thời tiết bất thường - Tránh xa các khu vực ven rừng đồi núi , sông , suối , ao hồ - Có ý thức sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng (điện nước) - KN: Tiết kiệm điện	8	

				nước		
--	--	--	--	------	--	--

b. Làm quen với với các biểu tượng sơ đẳng về toán

66	4	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: " bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: " bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...		1,3,4	
67	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: " Bao nhiêu;" , " Đây là mấy"	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: " Bao nhiêu;" , " Đây là mấy"		1,3,4,6,7,9	
68	4	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		1,3,4,5,6,9	
69	5	Trẻ biết vận dụng đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,3,4,5,6,9	
70	4	Trẻ biết so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3,4,5,6,7,9	
71	5	Trẻ biết vận dụng so sánh được số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.	So sánh được số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.		1,3,4,5,6,7,9	
72	4	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả.	Trẻ gộp 2 nhóm đối tượng và đếm		4,5,9	

73	5	Trẻ biết gộp được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp các nhóm đối tượng khác và đếm.		4,5,9	
74	4	Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	Trẻ tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.			
75	5	Trẻ biết tách được 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách/ gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		4,5,,7,9	
76	4	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự		1,3,4	
77	5	Trẻ nhận biết được các số thứ tự 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (Hạt na, hạt cúc, hạt nhựa.)		1,3,4,5,6,7,9	
78	4	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Trẻ biết một số cách phòng chống thoát hiểm cơ bản		* Trẻ 4, 5 tuổi: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, các con số 113, 114,115)	7	
79	5	Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Trẻ biết một số cách phòng chống thoát hiểm cơ bản			7	

80	4	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi	- So sánh phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc	1,5	
81	5	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.			1,5	
82	5	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Ghép thành nhữ cặp đối tượng có mối liên quan.		1	
83	5	Trẻ biết sáng tạo được mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra quy tắc sắp xếp		5	
84	4	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	- So sánh sắp xếp chiều cao 3 đối tượng.	6,8	
85	5	Trẻ biết sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo		6,8	
86	4	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình; hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật		3	
87	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	Nhận biết gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế		3	
88	4	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản		* Trẻ 4,5 tuổi: Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	7	
89	5	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình theo yêu cầu	Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau			

90	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác(phía trước- phía sau: phía trên- phía dưới, phía bên phải- phía bên trái)		2	
91	5	Trẻ biết sử dụng được lời nói và hành động để chỉ ra vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trước- phía dưới, phía trái- phía phải) so với bản thân trẻ với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn		2	
92	4	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều tối		8	
93	5	Trẻ biết gọi được đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Gọi tên các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai		8	

C. Khám phá xã hội

94	4	Trẻ biết nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện	Họ tên tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		2	
95	5	Trẻ biết nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình		2	
96	4	Trẻ biết nói được họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ và 1 số nhu cầu của gia đình		3	
97	5	Trẻ biết nói đúng tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ- gia đình lớn) nhu cầu gia đình		3	

98	4	Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm)	Địa chỉ gia đình, số nhà đường phố thôn xóm		3, 6	
99	5	Trẻ nói được đúng địa chỉ gia đình mình/ số nhà, đường phố/ thôn xóm số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	Địa chỉ gia đình, số nhà đường phố/ thôn xóm, số điện thoại (nếu có)		3,6	
100	4	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường lớp, khi được hỏi trò chuyện	Tên, địa chỉ của trường, lớp.		1	
101	5	Trẻ biết nói đúng tên/ địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm nổi bật của trường lớp, khi được hỏi trò chuyện	Những đặc điểm của trường mầm non		1	
102	4	Trẻ biết nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện	Tên công việc của cô giáo và các bác trong trường		1,4	
103	5	Trẻ biết nói đúng tên, công việc của cô giáo và các công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Công việc của các cô các bác trong trường		1,4	
104	4	Trẻ biết nói tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Họ tên 1 vài đặc điểm của các bạn các hoạt động của trường		1	
105	5	Trẻ biết nói đúng họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
106	4	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi trò chuyện. - Lòng ghép kỹ năng sống		* Trẻ 4, 5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của	4,7	

107	5	Trẻ biết nói đúng đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: Nói " nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..." - Lòng ghép kỹ năng sống		các nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương KN: Thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn		
108	4	Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội		Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	1,5,8,9	
109	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội ví dụ: Nói ngày quốc khánh 2/9 cả phố em treo cờ, Bố Mẹ được nghỉ làm và cho em đi công viên....			1,5,8,9	
110	4	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.		* Trẻ 4,5 tuổi: Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	9	
111	5	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.				
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ						
112	4	Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.	Trẻ hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu		1,2	
113	5	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể ví dụ: " Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái".	Trẻ hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.		1,2	

114	4	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		5,6	
115	5	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng, (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	Trẻ hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		5,6	
116	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? Để làm gì?		7,8	
117	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao"; "Như thế nào?" ; "Làm bằng gì?"		7,8	
118	4	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.		4,6,9	
119	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự. - Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.		4,6,9	
120	4	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.		2,3,4.	
121	5	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, phù hợp với ngữ cảnh.		2,3,4.	
122	4	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	4,5 tuổi: Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu	7,8	

123	5	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và biểu hiện của bản thân rõ ràng, rễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	phức.	7,8	
124	4	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết		9	
125	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	Biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.		9	
126	4	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng giao...		Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
127	5	Trẻ biết đọc hiểu cảm bài thơ, đồng giao, ca dao...		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
128	4	Trẻ kể truyện có mở đầu, kết thúc	Kể lại chuyện đã được nghe - Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
129	5	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện.	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
130	4	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	Đóng kịch	9	

131	5	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện			9	
132	4	Trẻ biết sử dụng các từ như: " Mời cô" " Mời bạn", " Cảm ơn", " Xin lỗi " ...Trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.		1,2	
133	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " Cảm ơn", " Xin lỗi", " Xin phép", " Thưa", " Dạ"," Vâng" ... Phù hợp với tình huống.	Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng		1,2	
134	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp	4,5,6	
135	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh			4,5,6	
136	4	Trẻ biết chọn sách để xem		- Trẻ 4+5 tuổi: xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
137	5	Trẻ biết chọn sách để " Đọc và xem"		- Trẻ 4+5 tuổi: Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
138	4	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	4,5 tuổi: Đọc chuyện qua tranh vẽ.	4	
139	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ kể truyện theo đồ vật, theo tranh.		4	
140	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh " Đọc" Sách theo tranh minh họa (Đọc vệt)		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. - Hướng đọc viết từ trái	7,8	

141	5	Trẻ biết cách "Đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối.		sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7,8	
142	4	Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...		- 4,5 tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(như nhà vệ sinh, , lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông đường cho người đi bộ)	7	
143	5	Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			7	
144	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để " Viết" : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ		1, 2,3,4,5	
145	5	Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	Trẻ nhận dạng các chữ cái		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
146	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	Trẻ biết sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
147	4	Trẻ nói được tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ		Tên, tuổi, giới tính	1,2	
148	5	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	Nói được họ tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại		1,2	

149	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	- Phân biệt hành vi "Đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	Sở thích, khả năng của bản thân KN: vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn.	2, 3	
150	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt"- "xấu".		2, 3	
151	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn(Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng.	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác		2	
152	5	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/chị/ em trong gia đình - Trẻ biết quyền con người, quyền trẻ em.	Biết mình là con, cháu/ Anh, Chị, Em trong gia đình - Trẻ nói và hiểu được quyền con người, quyền trẻ em.		3	
153	5	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức .		3	
154	4	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	KN: Dũng cảm, tự tin KN: Phối hợp làm việc theo nhóm	4,5	
155	5	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi..) - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Chủ động và độc lập trong một hoạt động.		4,5	

156	4	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	KN: Làm những công việc vừa sức	1,3	
157	5	Trẻ biết chấp nhận cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)		1,3	
158	4	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói., tranh ảnh.	KN: Hành vi văn minh, lịch sự khi nhận quà	5,7	
159	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói., tranh ảnh, âm nhạc. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		5,7	
160	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động; vẽ; nặn; xếp hình.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
161	5	Trẻ hiểu biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	Bày tỏ cảm xúc phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
162	4	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói		- Kính yêu bác hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	9	

163	5	Trẻ nhận biết được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói	Nhận ra một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	- KN:Lắng nghe người khác nói	9	
164	4	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		9	
165	5	- Trẻ nhận ra được hình ảnh bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)	- Nhận ra được hình ảnh bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)		9	
166	5	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.		9	
167	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9	
168	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử nổi tiếng, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.			9	
169	4	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ Lồng ghép kỹ năng sông		Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; chậutự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề	1,3	

170	5	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông Bà, Bố Mẹ, Anh Chị, muốn đi chơi phải xin phép. Lòng ghép kỹ năng sống	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân, trong gia đình và lớp học.	đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - KN: Chuẩn bị đồ dùng cá nhân cho trẻ tới trường	1,3	
171	4	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		4	
172	5	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép lịch sự.		4	
173	4	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		2	
174	5	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		2	
175	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng. - Trẻ biết phối hợp làm việc theo nhóm trong khi chơi	Chờ đến lượt, hợp tác	KN: Chơi hòa đồng	8	
176	5	Trẻ biết chờ đến lượt. - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng. - Trẻ biết phối hợp làm việc theo nhóm trong khi chơi	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận		8	
177	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...)	Quan tâm giúp đỡ		7	
178	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.		7	

179	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		8	
180	4	Trẻ biết chăm sóc cây, con vật thân thuộc		Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
181	5	Trẻ biết thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc			5,6	
182	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác		Bỏ rác đúng nơi quy định KN: Vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác	1,2,3,4,6,7,8,9	
183	5	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác			1,2,3,4,6,7,8,9	
184	4	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa - Trẻ biết thực hiện một số quy định nơi công cộng		Giữ gìn vệ sinh môi trường KN: Kỹ năng bảo vệ môi trường.	1,6	
185	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường(không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - Trẻ biết biết bảo vệ môi trường.			1,6	
186	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng		Tiết kiệm điện, nước.	4	
187	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng khóa vòi nước sau khi dùng không để thừa thức ăn			4	

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

188	4	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
189	5	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dùng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng	Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn các vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
190	4	Trẻ biết chú ý nghe thích thú(hát, vỗ tay nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích, nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(thiếu nhi/ dân ca)		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
191	5	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc(Hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) Theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ và đồng, ca dao, tục ngữ; thích nghe câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (thiếu nhi/ dân ca cổ điển/) - Nghe và nhận ra sắc thái của các bài hát, bản nhạc		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
192	4	Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(Về màu sắc, hình dạng..) của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6,7,9	

193	5	Trẻ biết thích thú nằm nhím và sử dụng các từ gợi cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng, bố cục) của các tác phẩm tạo hình	Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn các vẽ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6,7,9	
194	4	Trẻ biết thể hiện hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ		Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát	1,2,3,4,5 6,7,8,9	
195	5	Trẻ biết thể hiện hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ			1,2,3,4,5 6,7,8,9	
196	4	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
197	5	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
198	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm		2,4,7	

199	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	Lựa chọn, phối hợp vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm		2,4,7	
200	4	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng một các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
201	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
202	4	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong..và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	Sử dụng một các kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		5,9	
203	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		5,9	
204	4	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng một các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3,4,5,6	
205	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành các sản phẩm có bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		3,4,5,6	

206	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	Sử dụng một các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3	
207	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng đường nét và bố cục		3	
208	4	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình các về màu sắc, đường nét, hình dáng	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
209	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	Nhận xét tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
210	4	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát , bản nhạc	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		7	
211	5	Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc		7	
212	4	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát	Tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp bài hát		8	
213	5	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		8	

214	4	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			9	
215	5	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			9	
216	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	5	
217	5	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích		5	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LỚP MGG 4-5 TUỔI

Năm học: 2025 - 2026

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
08-12/9/2025	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	Ngày hội đến lớp của bé	1		
15-19/9			Lớp mẫu giáo của bé	1		
22-26/9			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1		
29/9-3/10		Bạn biết	Tôi là ai	1		

06-10/10	2	gì về tôi (3 tuần)	Cơ thể của bé	1	Tết trung thu	
13-17/10			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20-24/10	3	Gia đình của bé (4 tuần)	Ngôi nhà của bé	1	Ngày PNVN	
27/10-31/10			Những người thân trong gia đình	1		
03-7/11			Đồ dùng trong gia đình	1		
10-14/11			Các món ăn trong gia đình	1		
17-21/11	4	Bé biết bao nhiêu nghề (5 tuần)	Nghề Giáo viên	1	Ngày nhà giao Việt Nam 20/11	
24- 28/11			Nghề Nông	1		
01-05/12			Nghề xây dựng	1		
08-12/12			Nghề y	1		
15-19/12			Nghề bộ đội	1	Ngày Thành lập QĐNDVN	
22-26/12	5	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	Con vật nuôi trong GD hai chân đẻ trứng	1		
29/12-02/01			Con vật nuôi trong GD 4 chân đẻ con.	1		
05- 9/01			Động vật sống trong rừng	1		
12-16/01			Động vật sống dưới	1		

			nước			
19-23/01			Một số con côn trùng	1		
26-30/01	6	Tết cây xanh và mùa xuân(5 tuần)	Một số loại hoa	1	Nghỉ tết nguyên đán	
2-06/02			Một số loại rau, củ, quả	1		
9/2-13/02			Ngày tết quê em	1		
16-20/02			Nghỉ tết nguyên đán	1		
23-27/2			Cây xanh quanh bé	1		
2-06/03			Cây lương thực	1		
9-13/03	7	Phương tiện và quy định giao thông (3 tuần)	Xe máy và quy định giao thông	1		
16-20/03			Ô tô và quy định giao thông	1		
23-27/3			Đường thủy và quy định giao thông	1		
30/3- 03/4	8	Nước và hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Một số nguồn nước	1		
06-10/4			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
13-17/4			Mùa hè của bé	1		
20/4-24/4	9	Quê hương-	Bản làng quê hương em	1	Nghỉ giỗ hùng vương	

27/4- 01/5		Đất nước- Bác Hồ - TTH (4 tuần)	Ôn		Nghỉ 30/4 mừng 1/5	
04-08/05			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
11-15/05			Bé làm quen với trường tiểu học	1		
18-22/5			Đồ dùng ở trường tiểu học	1		

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO GHEP 3,4 TUỔI

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Chương 1: 2020 - 2020						
STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội Dung		Chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
			Riêng	Chung		
1. Giáo dục phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động.						
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực Lưng, bụng,lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái,sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân. + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	3,4,5 Hô hấp: Hít vào, thở ra.	1,2,3,4,5,6 ,7,8,9	

2	4	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(Phía trước, phía sau, trên đầu) - Lung,bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
3	3	Trẻ biết giữ thẳng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3 m	+ Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót		1,3,5,6,8,	
4	4	Trẻ biết giữ thẳng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	+ Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi bằng gót chân + Đi khụy gối + Đi lùi. + Đi bước dồn ngang		1,3,5,6,8,9	

5	3	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc(3-4 điểm đích dắc không chệch ra ngoài)	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi theo đường đích dắc. + Chạy thay đổi hướng theo đường díc dắc		1,2,3,4,5,9	
6	4	Trẻ biết kiểm soát vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, + Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn + Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.		1,2,4	
7	3	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không làm rơi bóng (khoảng cách 2,5cm) - Tự đập, bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	+ Lăn bắt bóng với cô + Đập bắt bóng với cô + Tung bắt bóng với cô + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay.		2,3,4,5,6,7	

8	4	Trẻ biết phối hợp tay , mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 3m) - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m) - Tự đập bắt bóng 4-5 lần liên tiếp	+Đập bắt bóng tại chỗ + Tung bắt bóng với người đối diện. - Tung bóng lên cao và bắt - Ném xa bằng 1 tay, - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, + Chuyển bắt bóng qua chân		2,3,4,5,6,7,9	
9	3	Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng: - Ném trúng đích ngang(xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp(3mx0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. - Bò chui qua cổng -Trườn về phía trước. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Bước lên, xuống bậc (cao 30cm)		1,2,4,5,6,9	

10	4	- Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp - chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường díc dắc (3-4 điểm díc dắc cách nhau 2m)	- Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2m - 1,4m) - Chạy 15m trong khoảng. 10 giây - Chạy chậm 60-80 -Bò dích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2mx06m - Trèo lên, xuống 5 giống thang - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m		1,2,3,4,5,6	
11	3	Trẻ biết phối hợp tay chân khi bật nhảy	Bật tại chỗ	- Bật về phía trước (3t) - Bật liên tục về phía trước (4t) - Bật xa 20-25 cm (3tuổi) - Bật xa 30 - 35 cm (4t)	3,5,7,8,9	
12	4	Trẻ biết thực hiện phối hợp tay chân khi bật nhảy, giữ được thăng bằng khi bật nhảy		- Bật, nhảy từ trên cao xuống cao 30 - 35cm (4t) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô (4t) - Bật qua vật cản cao 10-15 cm (4t) - Nhảy lò cò 3m (4t)	3,5,6,7,8,9	
13	3	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Trẻ thực hiện được gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay		1,2,3,4	

14	4	Trẻ biết thực hiện các vận động: - Cuộn -xoay tròn cổ tay. - Gập , mở các ngón tay vào nhau.	- Trẻ thực hiện được Vo, xoáy xoắn, vặn búng ngón tay ,vê, véo , vuốt miết ấn bàn tay ngón tay , gấn nổi..		1,2,3,4	
15	3	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm . - Xếp chồng 8-10 khối không đổ . - Tự cài cởi cúc	Tô vẽ nguệch ngoạc - Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé ,dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Cài, cởi cúc		5,6,7,9	
16	4	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng , lắp ráp với 10 -12 khối . - Biết tết sợi đôi . - Tự cài. Cởi cúc, buộc dây giày	- Gấp giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô vẽ hình - Cài , cởi khâu buộc giày		5,6,7,9	

b. giáo dục dinh dưỡng sức khỏe

17	3	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm quen thuộc		2	
18	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá.... Có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).		2	
19	3	Trẻ biết nói tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Trẻ nhận biết được một số món ăn quen thuộc.		3	

20	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc rán kho Gạo nấu cơm nấu cháo	Trẻ nhận biết được dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		3	
21	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2	
22	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			2	
23	3	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất cởi quần áo	- Trẻ làm quen được với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ vệ sinh.		1,3,4	
24	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn	- Trẻ tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định		1,3,4	
25	3	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		1,3,4	
26	4	Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn.	- Trẻ tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn		6,7	

27	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...		- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	5,6	
28	4	Trẻ biết một số hành vi trong ăn uống: - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn nhai kỹ . - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã		- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	5,6	
29	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở - Chấp nhận : Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm.		8	
30	4	Trẻ biết được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm và cách phòng tránh đơn giản.		8	

31	3	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, ...) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, ...) khi được nhắc nhở.	- KN: Ứng phó khi xảy ra đám cháy	9	
32	4	- Trẻ biết nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc , nhọn không nên nghịch - Trẻ biết ứng phó khi xảy ra đám cháy	- Trẻ nhận ra được bàn là bếp đang đun phích nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc ,nhọn không nên nghịch		9	
33	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao bề chứa nước hồ vôi..) khi được nhắc nhở - Lòng ghép kỹ năng sống		Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng	5,7	
34	4	- Trẻ biết nhận ra những nơi như hồ ao ,mương nước suối bề chứa nước... và nơi nguy hiểm không được chơi gần - Lòng ghép kỹ năng sống		- KN: An toàn khi chơi - KN: Thực hiện an toàn giao thông	5,7	

35	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Trẻ không cưỡi đùa trong khi ăn , uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .. - Trẻ không tự lấy thuốc uống. - Không trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Trẻ biết ứng phó khi bị người lạ cho quà	Tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không trèo bàn ghế, lan can	KN: Không nhận quà và đi theo người lạ	1,3,4,6	
36	4	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .. - Không ăn thức ăn có mùi hôi không ăn quả lạkhông uống cà phê rượu bia không tự uống thuốc khi không được phép của người lớn . - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận ra nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết : ăn thức ăn có mùi ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	KN: Không nhận quà và đi theo người lạ	1,3,4,6	
37	4	Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số T.H khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Nhận biết nguy cơ cháy và hậu quả	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Nhận biết các vật dụng và đồ đặc xung quanh dễ cháy: Đồ gỗ, gối đệm cao su, quần áo....	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Nhận biết các vật dụng và đồ đặc xung quanh dễ cháy: Đồ gỗ, gối đệm cao su, quần áo....	4	

38	4	- Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ ra đình, số điện thoại người thân khi cần thiết - Trẻ biết ứng phó khi bị lạc	- Trẻ nhận biết nguy cơ nguy hiểm và gọi người giúp đỡ. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	KNS: Ứng phó khi bị lạc	3	
2. Giáo dục phát triển nhận thức						
a, Khám phá khoa học						
39	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Hiện tượng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	*Trẻ 3,4 tuổi: Một vài đặc điểm, tích chất của đất, đá, cát, sỏi.	5,8	
40	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: " Vì sao cây lại héo?" ;" Vì sao lá cây bị ướt?" ...	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.		5,8	
41	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng, đồ chơi.		1,2	

42	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		1,2	
43	3	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. ví dụ: thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. ví dụ: thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		8,9	
44	4	Trẻ biết làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Trẻ làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản và quan sát, so sánh, dự đoán. ví dụ: Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		8,9	
45	3	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc		7	
46	4	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm , công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu		7	
47	3	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật. - Phương tiện báo cháy và chữa cháy.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	Nhận biết được các thiết bị, phương tiện báo cháy và chữa cháy phổ biến: Kêng/ trống,	1,3,4	

48	4	- Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu. - Phương tiện chữa cháy và báo cháy.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.	Đầu báo cháy, Nút ấn báo cháy, Đèn báo cháy Nhận biết các chất và vật dụng có thể dùng cho mục đích cháy: Bình chữa cháy, nước, khăn ướt	1,3,4	
49	3	Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi		5,6	
50	4	Trẻ biết nhận xét được một số quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi . ví dụ: " Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn".	Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.		5,6	
51	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.		7	

52	3	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả, quen thuộc.		5,6	
53	4	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.		5,6	
54	3	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình		1,2,3,4,7,8,9	
55	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình		1,2,3,4,7,8,9	
56	3	- Trẻ biết tên và dấu hiệu rõ nét của một số hiện tượng thời tiết, thiên tai thường xảy ra ở địa phương (nóng, lạnh, mưa, bão, sớm chớp, lũ lụt) - - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.	- Sự thay đổi bất thường của thời tiết mùa xuân : đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột.	KN: Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu.	8	
57	4	- Trẻ biết được biểu tượng đơn giản về thiên tai, biến đổi khí hậu (Tên, dấu hiệu đặc trưng của bão, lũ, hạn hán, động đất..) - Trẻ biết ứng phó với biến đổi khí hậu.	- Tên gọi, Đặc điểm về các hiện tượng thiên nhiên (bão, lũ lụt, mưa đá, giông sét)		8	

58	3	- Trẻ biết tác hại của thời tiết thiên tai đến bản thân, mọi vật xung quanh (mệt mỏi, thiếu nước, cây cối khô héo..)		- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật : ô nhiễm môi trường , sáo chết môi trường sống thiếu nước, giảm nguồn thức ăn không còn nơi cư trú chết một số loài động vật , dịch bệnh	6,8	
59	4	- Trẻ biết tác hại của thiên tai , biến đổi khí hậu đến con người và môi trường xung quanh			6,8	
60	3	- Trẻ biết cần phải làm theo sự hướng dẫn và làm đúng theo yêu cầu của người lớn khi có thiên tai, thời tiết khắc nghiệt xảy ra ở địa phương (mệt mỏi, thiếu nước, cây cối khô héo..) - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước khi sử dụng nước		- Bảo vệ môi trường cảnh quan nhà trường - Bảo vệ sức khỏe an toàn khi có thời tiết thay đổi hiện tượng thời tiết bất thường	8	
61	4	- Trẻ biết cần phải ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu xảy ra tại địa phương - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước khi sử dụng nước		- Tránh xa các khu vực ven rừng đồi núi , sông , suối , ao hồ - Có ý thức sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng (điện nước) - KN: Tiết kiệm điện nước	8	

Làm quen với với các biểu tượng sơ đẳng về toán

62	3	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vet, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4	
63	4	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: " bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: " bao nhiêu?" : " Là số mấy ?"...		1,3,4	
64	3	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4	
65	4	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		1,3,4,5,6,9	
66	3	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau. và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3,4,5,6,7,9	
67	4	Trẻ biết so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3,4,5,6,7,9	
68	3	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5		* Trẻ 3, 4 tuổi: gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	4,5,9	
69	4	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả.			4,5,9	
70	3	Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.			4,5,7, 9	

71	4	Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.		các nhóm nhỏ hơn.		
72	4	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự		1,3,4	
73	4	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Trẻ biết một số cách phòng chống thoát hiểm cơ bản	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, các con số 113, 114,115)		7	
74	3	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại.	Xếp xen kẽ	* Trẻ 3+4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi	1,5	
75	4	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc			
76	3	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ : to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	So sánh hai đối tượng về kích thước.		6,8	
77	4	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo - So sánh sắp xếp chiều cao của 3 đối tượng .		6, 8	
78	3	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết gọi tên các hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.		3	

79	4	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình; hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật		3	
80	3	Trẻ biết sử dụng các hình học để ghép	Sử dụng các hình học để ghép		7	
81	4	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu		7	
82	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân		2	
83	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác(phía trước- phía sau: phía trên- phía dưới, phía bên phải- phía bên trái)		2	
84	4	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều tối		8	

C. Khám phá xã hội

85	3	Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính củ bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Tên, tuổi, của bản thân		2	
86	4	Trẻ biết nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện	Họ tên tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		2	
87	3	Trẻ biết nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình		3	
88	4	Trẻ biết nói được họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ và 1 số nhu cầu của gia đình		3	

89	3	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình, khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Địa chỉ gia đình		3,6	
90	4	Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm)	Địa chỉ gia đình, số nhà đường phố thôn xóm		3, 6	
91	3	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp học khi được hỏi trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo tên và công việc cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ trong trường		1	
92	4	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường lớp, khi được hỏi trò chuyện	Tên, địa chỉ của trường, lớp.		1	
93	4	Trẻ biết nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện	Tên công việc của cô giáo và các bác trong trường		1,4	
94	4	Trẻ biết nói tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Họ tên 1 vài đặc điểm của các bạn các hoạt động của trường		1	
95	3	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông nghề xây dựng... khi được hỏi xem tranh - Lòng ghép kỹ năng sống	Trẻ gọi, sản phẩm và lợi ích của 1 số nghề phổ biến	KN: Thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn	4,7	
96	4	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi trò chuyện. - Lòng ghép kỹ năng sống	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương KN: Thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn		4,7	

97	3	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu,..... qua trò chuyện	Kể tên một số lễ hội ngày khai giảng, tết trung thu,.....qua trò chuyện		1,5,8,9	
98	4	Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.		1,5,8,9	
99	3	Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.		9	
100	4	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.		9	
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ						
101	3	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ".	Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản		1,2	
102	4	Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.	Trẻ hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu		1,2	
103	3	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả	Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc		5,6	
104	4	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		5,6	

105	3	Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại	Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?		7,8	
106	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? Để làm gì?		7,8	
107	3	Trẻ biết nói rõ các tiếng	Phát âm các tiếng của tiếng việt		4,6,9	
108	4	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.		4,6,9	
109	3	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		2,3,4	
110	4	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.		2,3,4.	
111	3	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép	Nghe, hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng. Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.		7,8	
112	4	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	4,5 tuổi: Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	7,8	
113	3	Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Kể lại sự việc.		9	
114	4	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết		9	

115	3	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng giao...		Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
116	4	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng giao...			1,2,3,4,5,6,7,8,9	
117	3	Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	Kể lại một vài tình tiết của chuyện đã được nghe. Mô tả sự vật hiện tượng có sự giúp đỡ	Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
118	4	Trẻ kể truyện có mở đầu, kết thúc	Kể lại chuyện đã được nghe.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
119	3	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên		9	
120	4	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện Đóng kịch		9	
121	3	Trẻ biết sử dụng các từ : " Vâng ạ", " Dạ", " Thưa"... Trong giao tiếp.		3,4 tuổi sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2	
122	4	Trẻ biết sử dụng các từ như: " Mời cô" " Mời bạn", " Cảm ơn", " Xin lỗi "...Trong giao tiếp			1,2	
123	3	Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí	Nói rõ ràng, đủ nghe	3,4 tuổi Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp	4,6	
124	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			4,6	

125	3	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc chuyện. - Giữ gìn sách	- Trẻ 3+4 tuổi: xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
126	4	Trẻ biết chọn sách để xem	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
127	3	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	Tiếp xúc với chữ, sách chuyện.		4	
128	4	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Đọc chuyện qua tranh vẽ.		4	
129	3	Trẻ biết thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.	7,8	
130	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh " Đọc" Sách theo tranh minh họa (Đọc vệt)		- Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7,8	
131	3	Trẻ biết nhận ra một số ký hiệu thông thường như nhà vệ sinh, cấm lửa		- 3,4, tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(như nhà vệ sinh, , lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông đường cho người đi bộ)	7	
132	4	Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...			7	

133	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết" : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ		1, 2,3,4,5	
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội						
134	3	Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân		Tên, tuổi, giới tính	1,2	
135	4	Trẻ nói được tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ			1,2	
136	3	Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn.	- Những điều bé thích, không thích - Nhận biết hành vi "Đúng" - "Sai"; "tốt" - "Xấu".	KN: vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn.	2, 3	
137	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được - Trẻ biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	- Phân biệt hành vi "Đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". Sở thích, khả năng của bản thân KN: vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn.		2, 3	
138	3	Trẻ biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trả lời câu hỏi - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Có thái độ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	KN: Dũng cảm, tự tin KN: Phối hợp làm việc theo nhóm	4,5	
139	4	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Trẻ biết dũng cảm, tự tin khi tham gia các hoạt động và biết làm việc theo nhóm	Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích		4,5	

140	3	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	KN: Làm những công việc vừa sức	1,3	
141	4	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) - Trẻ biết làm những công việc vừa sức với khả năng của trẻ	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)		1,3	
142	3	Trẻ biết nhận ra cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	KN: Hành vi văn minh, lịch sự khi nhận quà	6,7	
143	4	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh - Lòng ghép kỹ năng sống	Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói., tranh ảnh.		6,7	
144	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
145	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động; vẽ; nặn; xếp hình.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
146	3	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói	Kính yêu bác hồ	KN:Lắng nghe người khác nói	9	
147	4	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ - Trẻ biết lắng nghe khi người khác nói		- Kính yêu bác hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - KN:Lắng	9	

				nghe người khác nói		
148	3	Trẻ biết nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ		9	
149	4	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		9	
150	3	Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		9	
151	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước		9	
152	3	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi vâng lời bố mẹ. Lồng ghép kỹ năng sống	Một số quy định ở lớp và gia đình(để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố , mẹ, anh, chị, em ruột.		1,3	
153	4	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ Lồng ghép kỹ năng sống	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; chậ t tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - KN: Chuẩn bị đồ dùng cá nhân cho trẻ tới trường		1,3	

154	3	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	Cử chỉ nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn)		4,5	
155	4	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		4,5	
156	3	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	chú ý nghe khi cô, bạn nói.		2	
157	4	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		2	
158	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng.	- Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn.	KN: chơi hòa đồng	8	
159	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở - Trẻ biết chơi với bạn vui vẻ, hòa đồng. - Trẻ biết phối hợp làm việc theo nhóm trong khi chơi	Chờ đến lượt, hợp tác		8	
160	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...)	Quan tâm giúp đỡ		7	
161	3	Trẻ biết quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây		Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
162	4	Trẻ biết chăm sóc cây, con vật thân thuộc			5,6	
163	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác	Giữ gìn bảo vệ môi trường	Bỏ rác đúng nơi quy định KN: Vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác	1,2,3,4,6,7,8,9	
164	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác			1,2,3,4,6,7,8,9	

165	4	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa - Trẻ biết thực hiện một số quy định nơi công cộng	Giữ gìn vệ sinh môi trường KN: Kỹ năng bảo vệ môi trường.	Giữ gìn vệ sinh môi trường KN: Kỹ năng bảo vệ môi trường.	1,5	
166	3	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay.		Tiết kiệm điện, nước.	4	
167	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng			4	

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

168	3	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
169	4	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		1,2	
170	3	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ thích nghe kể chuyện	Nghe các bài hát bản nhạc(nhạc thiếu nhi/dân ca)		1,2,3,4,5,6,7,8,9	

171	4	Trẻ biết chú ý nghe thích thú(hát, vỗ tay nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích, nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(thiếu nhi/ dân ca)		1,2,3,4,5,6 7,8,9	
172	3	Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng)của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật , hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6	
173	4	Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(Về màu sắc, hình dạng..) của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		6	
174	3	Trẻ biết hát tự nhiên hát theo giai điệu bài hát quen thuộc	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
175	4	Trẻ biết thể hiện hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
176	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	

177	4	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
178	3	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra phẩm theo sự gợi ý	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	* 3+4 tuổi: - Dự án: + Làm chuồng gà (CD 6)	4,6	
179	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm		4,6	
180	3	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
181	4	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		1,2,3,4,5 6,7,8,9	
182	3	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		5,9	
183	4	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong..và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		5,9	

184	3	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc hai khối	Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		3,4,5,6	
185	4	Trẻ biết làm lõm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng một các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3,4,5,6	
186	3	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản		3	
187	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	Sử dụng một các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước/ hình dáng/ đường nét		3	
188	3	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	Nhận xét các sản phẩm tạo hình		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
189	4	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình các về màu sắc, đường nét, hình dáng	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.		1,2,3,4,5,6,7,8,9	
190	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		7	
191	4	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		7	
192	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích		8	

193	4	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát	Tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp bài hát		8	
194	3	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	9	
195	4	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			9	
196	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích Nói lên ý tưởng tạo hình của mình		5	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LỚP MGG 3-4 TUỔI

Năm học: 2025 - 2026

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
08-12/9	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	Ngày hội đến lớp của bé	1		
15-19/9			Lớp mẫu giáo của bé	1		
22-26/9			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1		
29/9-3/10	2	Bạn biết gì về tôi (3 tuần)	Tôi là ai	1	Tết trung thu	
06-10/10			Cơ thể của bé	1		
13-17/10			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		

20-24/10	3	Gia đình của bé (4 tuần)	Ngôi nhà của bé	1	Ngày PNVN	
27/10-31/10			Những người thân trong gia đình	1		
03-7/11			Đồ dùng trong gia đình	1		
10-14/11			Các món ăn trong gia đình	1		
17-21/11	4	Bé biết bao nhiêu nghề (5 tuần)	Nghề Giáo viên	1	Ngày nhà giao Việt Nam 20/11	
24- 28/11			Nghề Nông	1		
01-05/12			Nghề xây dựng	1		
08-12/12			Nghề y	1		
15-19/12			Nghề bộ đội	1	Ngày Thành lập QĐNDVN	
22-26/12	5	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	Con vật nuôi trong GD hai chân đẻ trứng	1		
29/12-02/01			Con vật nuôi trong GD 4 chân đẻ con.	1		
05- 9/01			Động vật sống trong rừng	1		
12-16/01			Động vật sống dưới nước	1		
19-23/01			Một số con côn trùng	1		
26-30/01	6	Tết cây xanh và mùa xuân(5 tuần)	Một số loại hoa	1		
2-06/02			Một số loại rau, củ, quả	1		
9/2-13/02			Ngày tết quê em	1		
16-20/02			Nghỉ tết nguyên đán	1	Nghỉ tết nguyên đán	

23-27/2			Cây xanh quanh bé	1		
2-06/03			Cây lương thực	1		
9-13/03	7	Phương tiện và quy định giao thông (3 tuần)	Xe máy và quy định giao thông	1		
16-20/03			Ô tô và quy định giao thông	1		
23-27/3			Đường thủy và quy định giao thông	1		
30/3- 03/4	8	Nước và hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Một số nguồn nước	1		
06-10/4			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
13-17/4			Mùa hè của bé	1		
20/4-24/4	9	Quê hương- Đất nước- Bác Hồ - TTH (4 tuần)	Bản làng quê hương em	1	Nghỉ giỗ hùng vương Nghỉ 30/4 mừng 1/5	
27/4- 01/5			Ôn			
04-08/05			Quê hương - đất nước	1		
11-15/05			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
18-22/5			Bé vui tết thiếu nhi	1		

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC MẦM NON

NHÓM TRẺ 18-36 THÁNG

Năm học: 2025-2026.

T T	Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục		Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	ĐT	Mục tiêu	Chung	Riêng		
	1. Giáo dục phát triển thể chất					
		*Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. * Trẻ 18: tháng tuổi Cân nặng ; Bé trai 8,8 - 13,7kg: Trẻ gái 8,1--13,2kg Chiều cao: Bé trai 76,9 - 87,7cm: Trẻ gái 74,9-86.,5cm *Trẻ 24 tháng tuổi: Cân nặng: Bé trai:9,7-15,3 kg; Trẻ gái 9,1 – 14,8 kg Chiều cao: Bé trai : 81,7- 93,9 cm, Bé gái: 80,0-92,9 cm *Trẻ 36 tháng tuổi: Cân nặng: Bé trai: 11,3-18,3 kg, trẻ gái 10,8-18,1 kg Chiều cao: Bé trai: 88,7-103,5cm; Bé gái: 87.4-102.7 cm				
	* Phát triển vận động					

		* Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.				
1	18-24	- Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô: giờ cao tay - đưa tay về phía trước - sang ngang		- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giờ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên - Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
2	25-36	- Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.		- Hô hấp: Tập hít vào thở ra - Tay: Giờ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên - Chân : Ngồi xuống, đứng lên, co ruỗi từng chân		
		* Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.				

3	18 - 24	- Trẻ có khả năng giữ thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên bề mặt khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cần đỡ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m		+ Đi theo hướng thẳng + Đi bước qua dây (gậy) + Đi bước qua vật cản + Bước lên xuống bậc có vịn + Tập bước lên, xuống bậc thang		
4	25- 36	Trẻ biết giữ thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh/ chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	+ Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp	- Tập đi, chạy + Đi có mang vật trên tay. + Đứng co 1 chân. + Chạy Theo hướng thẳng + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi kết hợp với chạy + Đi bước qua gậy kê cao (5cm) + Đi bước vào các ô + Chạy đổi hướng + Đi thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô + Chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo cô + Bước lên xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc)	1,2,3, 4,5, 6,7,8, 9, 10	
5	18- 24	- Biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô		+ Ngồi ,lăn bóng bằng 2 tay + Đứng tung, ném bóng (bóng to) + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang (bóng nhỏ)	2,3,5, 7	

6	25-36	Thực hiện phối hợp vận động tay/ mắt: tung/ bắt bóng với cô ở không cách 1m ném vào đích xa 1-1,2m		- Tập tung, ném, bắt + Tung - bắt bóng cùng cô + Tung bóng bằng 2 tay + Tung bóng qua dây + Ném bóng về phía trước(mém xa bằng 1 tay)(túi cát, bóng) + Ném bóng trúng đích (đích xa 70-100cm)		
7	18-24	- Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong trò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản.	Bò chui qua cổng	+ Bò, trườn tới đích + Trườn về phía trước + Bò đến vật chuẩn + Trườn đến vật chuẩn + Bò về phía trước có mang vật trên lưng(túi cát) + Bò chui dưới dây hoặc gậy kê cao	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9, 10	
8	25-36	Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		- Tập bò, trườn + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Trườn qua vật cản. + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò theo đường ngoằn ngoèo + Bò qua vật cản + Trườn chui qua cổng		

9	18-24	- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m		+ Ném bóng bằng 1 tay (bóng nhỏ) + Tung bóng qua dây(bóng to) + Ném bóng qua dây(bóng nhỏ)		
10	25-36	- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp, trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay.(tối thiểu 1,5m)		+ Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích xa(đích xa 70-100cm) + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ(Bật qua các vòng) + Bật xa bằng 2 chân + Nhún bật về phía trước	6,7,8,9,10	
		*Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt.				
11	18-24	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay		- Co duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
12	25-36	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"		+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. + Đóng cọc bàn gỗ - Đóng mở nắp có ren		
13	18-24	Trẻ biết tháo lắp , lồng đực 3-4 hộp tròn, xếp chồng đực 2-3 khối trụ		- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 4-5 khối	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
	25-	- Trẻ biết phối		+ Nhón nhặt đồ vật		

14	36	hợp được các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ - Trẻ biết thực hiện một số kỹ năng sống.		+ Chắp ghép hình + Chồng xếp 6-8 khối + Lật, mở trang sách + Tập cầm bút, tô, vẽ + Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Trẻ thực hành một số kỹ năng sống.		
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
* Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.						
15	18-24	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau	1,2,3, 4,5,6, 7, 8,9, 10	
16	25-36	- Trẻ có thể thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau ở trường mầm non.		
17	18-24	- Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc	1,2,3, 4,5,6, 7	
18	25-36	- Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa		- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa.	8,9,10	

19	18-24	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh		- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt : Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh +" Gọi" cô khi bị ướt bị bẩn	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9, 10	
20	25-36	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh		
		* Thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.				
21	18-24	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn		- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay ,lau mặt	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9, 10	

22	25-36	- Trẻ biết làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Tập luyện thói quen tốt trong ăn uống - Luyện tập 1 số thói quen tốt trong hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt . - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. + Chuẩn bị chỗ ngủ.		
23	25-36	- Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	1,2	
		* Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.				
24	18-24	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là), bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Trẻ thực hành	-	3,4,6,7,8,10	

25	25-36	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết một số kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ...	một số kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ...			
26	18-24	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (sơ vào ổ điện,leo trèo lên bàn, ghế) khi được nhắc nhở	- Trẻ nhận biết một số hành động gây nguy hiểm và phòng tránh.		1, 2,5, 6,7,8, 9	
27	25-36	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.				
2. Giáo dục phát triển nhận thức						
		* Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.				

28	18-24	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng		- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa quả quen thuộc gần gũi - Nếm vị của một số loại quả, thức ăn.		
29	25-36	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – Xù xì. - Nếm vị của một số loại thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của con vật quen thuộc.	1,2,3, 4,5,6, 7, 8, 9, 10	
* Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các sự, vật hiện tượng gần gũi.						

30	31	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người thân .		- - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc		
31	25-36	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	2,3,4	
32	18-24	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình , những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên của bản thân - Hình ảnh của bản thân trong gương - Tên của 1 số người thân gần gũi trong gia đình / nhóm lớp		
33	25-36	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên cô giáo và các bạn trong nhóm lớp - Tên và công việc, của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	1,2,3,4,	
34	18-24	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.		- Tên 1 số bộ phận của cơ thể (Tay, tai, chân, miệng, mắt, mũi)	1,2	

35	25-36	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.		- Tên chức năng chính 1 số bộ phận của cơ thể (Tay, tai, chân, miệng, mắt, mũi)		
36	18-24	Trẻ chỉ /lấy/nói tên đồ dùng , đồ chơi , hoa quả , con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn .		- Tên và 1 vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc - Đồ chơi , đồ dùng của bản thân - Tên của PTGT gần gũi		
37	25-36	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc - Trẻ biết thực hiện một số kỹ năng sống.		- Tên gọi, đặc điểm nổi bật công dụng và cách sử dụng đồ chơi quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của con vật quen thuộc. - Tên gọi, và 1 số đặc điểm nổi bật của các loại quả, các loại hoa quen thuộc Tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các loại quả mùa hè - Trẻ thực hành một số luật giao thông đường bộ.	1,3,4,5,6,7,8,9,10	

38	18-24	- Trẻ biết chỉ/hoạc lấy hoặc g đồ chơi màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặcj gợi ý của người lớn		- Màu đỏ, xanh - Kích thước to-nhỏ	4,6	
39	25-36	- Trẻ biết xác định vị trí trong không gian		- Vị Trí trong không gian (trên-dưới , trước -sau) của bản thân		
40	25-36	- Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/xanh theo yêu cầu		- Màu đỏ, vàng, xanh. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp. - Hình tròn, hình vuông	1,2,3,4,9	
41	25-36	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.		- Số lượng một - nhiều - Kích thước to nhỏ	1,9	
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ						
* Nghe hiểu lời nói:						
42	18-24	- Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay..		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	7,8,9,10	
	25-	- Trẻ biết thực				

48	18-24	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi..		- Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn:: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi..	7,8,9,10	
49	25-36	- Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.	- Phát âm các âm khác nhau.		
50	18-24	- Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
51	26-36	- Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng		
* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.						
52	18-24	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 2 - 3 tiếng : con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm...		- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.		
53	25-36	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài	1,2,3,4,5	

54	18-24	Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân(cháu uống nước, cháu muốn..)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.		
55	25-36	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Trẻ biết thực hiện một số kỹ năng sống.+ Biết chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân + Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như : " con gì đây?" , " cái gì đây?"		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
56	25-36	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Lắng nghe khi người lớn đọc sách	6,7,8,9,10	
4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ						
		*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.				
57	18-24	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh(chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)		- Nhận biết Tên gọi hình ảnh bản thân		

58	25-36	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	1,4	
59	25-36	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích		- Nhận biết 1 số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	2	
* Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.						
60	18-24	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi		- Giao tiếp với cô và bạn	2,3,6,7,8,9,10	
61	25-36	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh.		
62	18-24	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh		- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	2,3,4,	
63	25-36	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		- Nhận biết và thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, tức giận.		
64	18-24	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát 1 số con vật.		- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi	1,2,3,4,5	

65	25-36	- Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		- Nhận biết và thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, tức giận.		
66	25-36	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.		- Quan tâm đến các con vật nuôi.	5	
*Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản						
67	18-24	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp như : Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ", "dạ"	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
68	25-36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ", "vâng ạ", chơi cạnh bạn không cầu bạn		
69	18-24	Trẻ bắt chước được 1 vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)		- Bắt chước được 1 vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)		
70	25-36	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em, nghe điện thoại,...)		- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,2,3	

71	18-24	- Trẻ biết làm theo 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn		- Làm theo 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
72	25-36	- Trẻ có thể chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ Chơi với bạn		
73	25-36	- Trẻ có thể thực hiện được 1 số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện 1 số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi đúng nơi qui định.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
*Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát ,vận động theo nhạc/tô màu, vẽ nặn , xếp hình , xem tranh						
74	18-24	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc(giậm chân, lắc lư , vỗ tay ...)		- Nghe hát ,nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
75	25-36	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.		- Hát và tập vận động theo nhạc đơn giản - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.		
76	18-24	- Trẻ thích vẽ , xem tranh		- Tập cầm bút vẽ - Xem tranh	1,2,3,5,6,7,8,9,10	
77	25-36	- Trẻ biết và thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu nặn , xé, vò, xếp hình - Xem tranh		

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN NHÀ TRẺ

Thời gian	Stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	ST	Lễ/hội	ĐCB S
8/9 -12/9	1	Bé với trường mầm non (3 tuần)	- Bé và những sở thích của bé	1	Khai giảng 5/9	
15/9-19/9			- Bé và các bạn trong lớp	1		
22/9 - 26/9			- Lớp học của bé	1		
29/9 - 03/10	2	Đồ dùng đồ chơi của bé. (4 tuần)	- Đồ chơi của bé.	1	Tết trung thu Ngày Phụ Nữ Việt Nam	
6/10 - 10/10			- Đồ dùng của bé	1		
13/10- 17/10			- Những đồ chơi chuyển động được	1		
20/10 - 24/10			- Bé và các bạn cùng chơi	1		
27/10- 31/10	3	Các Cô các Bác trong trường mầm non (3 tuần)	- Cô giáo của bé	1		
3/11-7/11			- Các cô, bác trong nhóm trẻ của bé.	1		
10/11- 14/11			- Đồ dùng của các cô, bác cấp dưỡng.	1		
17/11- 21/11	4	Mẹ và những người thân của bé (4 tuần)	- Ngày hội của cô giáo	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
24/11- 28/11			- Mẹ thân yêu của bé	1		
01/12-5/12			- Những người thân trong gia đình.	1		
8/12-12/12			- Đồ dùng trong gia đình của bé.	1		
15/12- 19/12	5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Những con vật nuôi trong GD (hai chân)	1	Ngày thành lập QĐNDV N 22/12, Tết DL	
22/12- 26/12			- Những con vật nuôi trong GD (bốn chân).	1		

29/12- 2/1			- Những con vật sống trong rừng	1		
5/1-9/1			- Những con vật sống dưới nước	1		
12/1-16/1	6	Cây xanh quanh bé (4 tuần)	- Các loại quả bé thích	1		
19/1-23/1			- Vườn hoa của bé	1		
26/1-30/1			- Một số loại rau, củ	1		
2/2-6/2			- Cây trong vườn của bé.	1		
9/2-13/2	7	Ngày tết và mùa xuân (3 tuần)	- Công việc và trang phục ngày tết.	1	Nghỉ tết Nguyên Đán	
16/2-20/2			- Nghỉ tết nguyên đán			
23/2-27/2			- Hoa quả mùa xuân	1		
2/3-6/3			- Mùa xuân của bé	1		
9/3-13/3	8	Bé đi khắp nơi bằng PTGT gì? (4 tuần)	- 1 số PTGT đường bộ (Xe đạp - xe máy)	1		
16/3-20/3			- Xe Ô tô	1		
23/3-27/3			- Một số quy định giao thông đường bộ	1		
30/3-3/4			- Một số PTGT đường thủy	1		
6/4-10/4	9	Mùa hè với bé (3 tuần)	- Thời tiết mùa hè	1	Nghỉ giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 Nghỉ lễ 30/4 Nghỉ lễ	
13/4-17/4			-Trang Phục mùa hè của bé	1		
20/4-24/4			- Bé được làm gì trong mùa hè.	1		

27/4-29/4			Ôn tập		1/5	
4/5-8/5	10	Bé lên mẫu giáo (3 tuần)	- Bé lên mẫu giáo	1	Ngày Sinh Nhật Bác Hồ.	
11/5-15/5			- Lớp mẫu giáo của bé	1		
18/5-22/5			- Các hoạt động trong lớp mẫu giáo của bé,	1		

D. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Phó hiệu trưởng

Căn cứ vào Chương trình giáo dục của nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ trưởng chuyên môn, giáo viên các nhóm/lớp xây dựng chương trình giáo dục trẻ phù hợp với tình hình thực tế cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi của nhóm/lớp, năng lực chuyên môn của giáo viên và khả năng, kinh nghiệm sống của cá nhân trẻ trong lớp.

Tham gia thẩm định; đánh giá và báo cáo kết quả việc thực hiện chương trình giáo dục của các nhóm/lớp với Hiệu trưởng. Tư vấn cho giáo viên điều chỉnh kịp thời kế hoạch giáo dục chủ đề, tuần, ngày phù hợp thực tế của lớp, trường, địa phương.

2. Tổ trưởng chuyên môn

Tham gia xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường.

Phối hợp với cán bộ chuyên môn đánh giá, giám sát việc thực hiện Chương trình giáo dục của các tổ chuyên môn phụ trách.

Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giáo dục của các lớp cho đồng chí phụ trách chuyên môn.

3. Giáo viên

Căn cứ vào Chương trình giáo dục của nhà trường xây dựng Chương trình giáo dục của lớp phù hợp với tình hình thực tế cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi của nhóm/lớp, năng lực chuyên môn của giáo viên và khả năng, kinh nghiệm sống của cá nhân trẻ trong lớp.

Điều chỉnh kịp thời kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế của lớp, trường, địa phương./.

Nơi nhận:

- TTCM, GV các nhóm/lớp;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Hà